

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỒNG THÁP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 382/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 18/8/2026.

V/v “Tranh chấp yêu cầu công nhận tài sản riêng, chia công sức đóng góp, giữ gìn và thay đổi mức cấp dưỡng”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bành Quốc Trung.

Ông Lê Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 518/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp yêu cầu công nhận tài sản riêng, chia công sức đóng góp, giữ gìn và thay đổi mức cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 375/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 354/2026/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2026, của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Đức H, sinh năm 1977 (có mặt), CCCD: 080077013085.

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Đồng Thị Kim T, sinh năm 1981, CCCD: 082181022490.

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà T: Luật sư Trần Thị Kim P – Văn phòng Luật sư Trần Thị Kim P thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ (vắng mặt từ khi bắt đầu phiên tòa, đến phần tuyên án có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Dương Ngọc T1, sinh năm 1970 (có đơn xin vắng mặt), CCCD: 0820770010407.

Địa chỉ: ấp B, xã V, tỉnh Đồng Tháp.

+ Ông Trần Văn H1, sinh năm 1970 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã V, tỉnh Đồng Tháp.

+ Bà Trần Thị Y, sinh năm 1965 (có đơn xin vắng mặt), CCCD: 082165015267.

Địa chỉ: ấp B, xã V, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** *Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Huỳnh Đức H trình bày:***

Anh và chị T là vợ chồng. Ngày 11/7/2022 anh chị đã ly hôn theo quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 22/2022/QĐCNTTLH ngày 11/7/2022 và 2 bên đã thống nhất về con chung. Về tài sản chưa giải quyết. Trong thời gian hôn nhân thì anh T được em gái ruột chị Huỳnh Thị Mỹ T2 tặng cho diện tích 2.509,8m² theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được chứng thực số 1069 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/7/2012 và anh H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01222 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 31/8/2012 đối với diện tích 2.509,8m², thửa đất số 5, tờ bản đồ số 9, đây là tài sản riêng của anh H, không phải là tài chung vợ chồng.

Yêu cầu Tòa án giải quyết:

Công nhận diện tích 2.509,8m² (qua đo đạc thực tế có diện tích 2487,6m²), thửa đất số 5, tờ bản đồ số 9, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01222 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 31/8/2012 là tài sản riêng của anh H.

Đồng ý cấp dưỡng con chung Huỳnh Thị Thúy A, sinh ngày 01/01/2008, hàng tháng 1.500.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu A chết.

*** *Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn chị Huỳnh Thị Kim T3 có yêu cầu phản tố trình bày:***

Chị và anh H đã ly hôn vào năm 2022. Khi ly hôn chị T3 trực tiếp nuôi 02 đứa con trong đó cháu Huỳnh Ngọc T4 An sinh ngày 01/01/2008 bị bệnh khuyết tật dạng nặng nên chị T3 yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng cháu A hàng tháng 1.500.000 đồng, đến khi cháu A lao động được. Đối với tài sản là thửa đất số 5, tờ bản đồ số 9, diện tích 2.509,8m² nhận chuyển nhượng từ chị Huỳnh Thị Mỹ T2. Có nguồn gốc của mẹ chồng là Trần Thị L, chị và anh H canh tác từ năm 2000, đến năm 2012 thì sang tên cho Huỳnh Thị Mỹ T2 đứng tên rồi chị T2 làm thủ tục tặng cho nhưng thực tế anh chị đưa chị T2 số tiền 150.000.000 đồng. Từ năm 2012 đến trước khi ly hôn thì anh chị vẫn canh tác đất lúa nhưng sau khi ly hôn năm 2022 anh H không cho chị T3 quản lý nữa, nay chị không có chứng cứ chứng minh đất này là do anh H và chị mua trong thời kỳ hôn nhân, nên chị T3 thay đổi yêu cầu khởi kiện.

Yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh Thị Thúy A, sinh ngày 01/01/2008, mức cấp dưỡng hàng tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu A chết.

- Yêu cầu tính công sức giữ gìn thửa đất số 5, tờ bản đồ số 8, diện tích 2.509,8m² (qua đo đạc thực tế có diện tích 2487,6m²), là 30% giá trị thửa đất theo định giá của Công ty cổ phần T5.

* Các đương sự khác trong vụ án có đơn xin vắng mặt, không trình bày ý kiến gì hay có yêu cầu tranh chấp gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng:

Chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 43, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H.

Chấp nhận yêu cầu một phần yêu cầu phản tố của chị T3.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Hội đồng xét xử xác nhận quan hệ tranh chấp là “Yêu cầu công nhận tài sản riêng, chia công sức đóng góp, giữ gìn và thay đổi mức cấp dưỡng”.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về công nhận tài sản riêng: Xét thấy, anh H và chị T3 là vợ chồng. Ngày 11/7/2022, anh chị đã ly hôn theo quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 22/2022/QĐCNTTLH ngày 11/7/2022. Về tài sản chung, riêng là chưa giải quyết. Trong thời gian hôn nhân, anh H được em gái ruột chị Huỳnh Thị Mỹ T2 tặng cho diện tích 2.509,8m² theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được chứng thực số 1069 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/7/2012 và anh H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01222 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 31/8/2012 đối với diện tích 2.509,8m², thửa đất số 5, tờ bản đồ số 9, loại đất LUC, tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã V, tỉnh Đồng Tháp). Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, chị T3 thống nhất đây là tài sản riêng của anh H được chị T2 tặng cho. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận thửa đất số 5 nêu trên qua đo đạc thực tế có diện tích 2487,6m² là tài sản riêng của anh Huỳnh Đức H.

Về yêu cầu của chị T3 yêu cầu được nhận 30% giá trị thửa đất theo định giá của Công ty cổ phần T5 là không có cơ sở chấp nhận toàn bộ, bởi lẽ, đây là quyền sử dụng đất riêng của anh H, từ khi anh H nhận đất đến nay, anh H và chị T3 cũng không có trực tiếp trên đất ngày nào, anh H cho thuê, người thuê tự lên líp trồng bắp cho đến nay. Tuy nhiên, xét chị T3 nuôi con nhỏ, có cháu A bệnh tật nằm một chỗ, chị T3 phải lo chăm sóc cho cháu A nên không thể trực tiếp canh tác đất

nhưng công lao của chị T3 đóng góp cho anh H vào công việc chung của gia đình là có thực, vì vậy Hội đồng xét xử xác định chị T3 cũng có một phần công sức tôn tạo, gìn giữ phần đất, tuy nhiên chị T3 yêu cầu anh H chia cho chị 30% giá trị thửa đất là chưa phù hợp, bởi lẽ, nguồn gốc thửa đất này là của anh H được tặng cho riêng, quá trình sinh hoạt chung của vợ chồng khi anh H, chị T3 còn chung sống cũng đã đem huê lợi trên đất về sinh hoạt chung cho gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định chia cho chị 10% giá trị thửa đất, tương ứng $10\% \times 2487,6\text{m}^2 \times 442.000 \text{ đồng/m}^2 = 109.951.900 \text{ đồng}$ mới phù hợp.

[2.2] Về thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T3 yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh Thị Thúy A, sinh ngày 01/01/2008 hàng tháng 1.500.000 đồng, thời gian thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu A chết, anh H đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về chi phí tố tụng: Anh H thống nhất không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh H tự nguyện nộp án phí công nhận tài sản riêng, phải chịu án phí chia công sức giữ gìn tài sản và phải chịu án phí thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các điều 43, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào các điều 213, 216 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Đức H.

Công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 5, tờ bản đồ số 9, diện tích $2.509,8\text{m}^2$ (qua đo đạc thực tế có diện tích $2487,6\text{m}^2$), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01222 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 31/8/2012 là tài sản riêng của anh Huỳnh Đức H.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của chị Đồng Thị Kim T.

Buộc anh Huỳnh Đức H có nghĩa vụ giao cho chị Đồng Thị Kim T số tiền công sức đóng góp, giữ gìn tài sản là 109.951.900 đồng, ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc anh Huỳnh Đức H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Huỳnh Thị Thúy A, sinh ngày 01/01/2008 hàng tháng 1.500.000 đồng, thời gian thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu A chết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Anh H có nghĩa vụ nộp án phí tổng cộng là 6.067.595 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009110 ngày 26/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên anh H còn phải nộp tiếp là 5.797.595 đồng.

Trả lại cho chị T số tiền tạm nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.577.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006901 ngày 07/5/2026.

4. Về quyền kháng cáo: A, chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp Bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án theo qui định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự; có quyền tự nguyện và thỏa thuận thi hành án theo quy định tại Điều 36 Luật thi hành án dân sự hoặc bị áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 72 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Kiều Oanh